

Số: 16.341/BCKT-DTL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Merufa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2016 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Merufa vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2016

  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0067-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**  
  
**NGUYỄN THUY NHÃ VY**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1875-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>43.459.809.176</b>	<b>41.323.826.090</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>2.491.020.687</b>	<b>1.959.326.336</b>
1. Tiền	111		2.491.020.687	1.959.326.336
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.887.244.716</b>	<b>15.146.539.355</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	13.107.331.797	10.017.747.990
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		349.707.136	1.534.350.982
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		652.455.200	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	668.381.018	3.485.070.818
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		109.369.565	109.369.565
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.5)	<b>24.244.855.710</b>	<b>22.585.437.569</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.198.791.330	23.539.373.189
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(953.935.620)	(953.935.620)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.836.688.063</b>	<b>1.632.522.830</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		337.590.452	500.138.674
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.221.521.010	852.479.283
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.11)	277.576.601	279.904.873
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>44.960.665.053</b>	<b>42.930.846.700</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.124.437.108</b>	<b>27.931.032.313</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	28.124.437.108	27.931.032.313
- Nguyên giá	222		72.185.035.662	67.764.480.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.060.598.554)	(39.833.448.310)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		92.899.000	92.899.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.899.000)	(92.899.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.887.111.572</b>	<b>770.995.113</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.6)	1.887.111.572	770.995.113
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.2)	<b>1.118.802.189</b>	<b>1.118.802.189</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.550.000.000	1.550.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		196.800.000	196.800.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(627.997.811)	(627.997.811)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.830.314.184</b>	<b>13.110.017.085</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	13.830.314.184	13.110.017.085
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>88.420.474.229</b>	<b>84.254.672.790</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.519.925.026</b>	<b>21.276.279.531</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.560.057.196</b>	<b>18.588.615.531</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.10)	2.708.969.202	1.720.518.342
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		56.753.450	1.095.050
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.11)	3.422.571.714	1.080.486.958
4. Phải trả người lao động	314		48.003.643	333.020.303
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		185.319.832	399.449.173
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.12)	6.064.579.502	930.562.873
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.9)	8.647.155.521	12.820.538.944
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.426.704.332	1.302.943.888
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.959.867.830</b>	<b>2.687.664.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.12)	3.959.867.830	2.687.664.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>59.900.549.203</b>	<b>62.978.393.259</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.13)	<b>59.866.216.414</b>	<b>62.944.060.470</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.754.040.000	36.754.040.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.754.040.000	36.754.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.252.024.500	1.252.024.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(38.000.000)	(38.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.582.529.416	17.551.529.416
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.315.622.498	7.424.466.554
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.406.763.302	3.568.909.354
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.908.859.196	3.855.557.200
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>34.332.789</b>	<b>34.332.789</b>
1. Nguồn kinh phí	431		34.332.789	34.332.789
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>88.420.474.229</b>	<b>84.254.672.790</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



**ĐINH THỊ HỒNG SÂM**  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2016



NGƯỜI DUYỆT

**PHẠM XUÂN MAI**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	90.692.034.975	85.328.654.840
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6.2)	157.008.304	758.409.386
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		90.535.026.671	84.570.245.454
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.3)	70.388.060.696	64.210.488.885
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.146.965.975	20.359.756.569
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		52.828.303	32.834.034
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	1.307.712.388	2.007.660.150
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		1.117.032.388	1.962.244.650
8. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	8.299.951.453	7.686.112.952
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	9.678.630.182	10.602.302.994
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		913.500.255	96.514.507
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	13.279.702.022	5.138.053.476
12. Chi phí khác	32		1.189.623.416	261.857.887
13. Lợi nhuận khác	40		12.090.078.606	4.876.195.589
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.003.578.861	4.972.710.096
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	3.163.006.893	1.117.152.896
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.840.571.968	3.855.557.200
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	(5.13.4)	2.091	683

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



**ĐINH THỊ HỒNG SÂM**  
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT



**PHẠM XUÂN MAI**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		91.617.048.447	92.338.091.431
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(67.822.309.945)	(55.173.324.395)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.864.316.393)	(17.285.338.493)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.117.624.050)	(2.003.475.207)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(838.932.678)	(2.550.827.600)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.806.242.851	15.925.056.816
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.214.846.731)	(18.679.669.518)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>13.565.261.501</b>	<b>12.570.513.034</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.591.071.930)	(2.020.573.972)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(100.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	100.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.196.524	32.551.030
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.538.875.406)</b>	<b>(1.988.022.942)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	48.112.990.579	56.499.969.041
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(52.286.374.002)	(61.084.881.389)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.321.940.100)	(4.840.940.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.495.323.523)</b>	<b>(9.425.853.248)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>531.062.572</b>	<b>1.156.636.844</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.959.326.336</b>	<b>802.406.488</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		631.779	283.004
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>2.491.020.687</b>	<b>1.959.326.336</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU


**ĐINH THỊ HỒNG SÂM**  
 Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT


**PHẠM XUÂN MAI**  
 Tổng Giám đốc